

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T O  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10 /2020

V/v. *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O– THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Quốc Quân*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Nguyễn Thị Tích - 2. Ông Lê Huy Trọng**

*- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đỗ Văn Thường.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T O xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn H M, sinh năm 1981.

HKTT: Thôn Đ N, xã C D, huyện T O, Hà Nội.

**Bị Đơn:** Chị Bùi Thị M, sinh năm 1983;

HKTT: Thôn Đ N, xã C D, huyện T O, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: bà Bùi Thị Q, sinh năm 1951, trú tại: Thôn Chôm, xã Thanh Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Đ K, sinh năm 1947 (chồng bà Q).

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T O- TP. Hà Nội- Chi nhánh Vác, Đại diện theo pháp luật: Ông Lê X T-Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng ( có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh M, chị M, ông Kết, bà Q: Đều có mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Nguyễn H M trình bày: Anh M có tìm hiểu và kết hôn với chị Bùi Thị M ngày 06/5/2015 tại UBND xã C D, huyện T O, Hà Nội. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian và đã có 02 con chung. Quá trình chung sống thời gian qua chị M thường xuyên cãi cọ nhau với mẹ đẻ và với con riêng của anh M. Vì vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh M và chị M không hạnh phúc, mâu thuẫn căng thẳng nên chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019, cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay vợ chồng anh M không thể đoàn tụ vì vậy anh M đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Bị đơn chị Bùi Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn H M có đăng ký tại UBND xã C D, T O trên cơ sở có tự nguyện, có tìm hiểu trước khi kết hôn. Đến nay vợ chồng chị thường hay mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Anh M xin ly hôn, xét vợ chồng không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn.

**- Về con chung:** Vợ chồng anh M – chị M cùng xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Bùi T V, sinh ngày 30/9/2015, và cháu Nguyễn Bùi T V, sinh ngày 31/8/2017. Hiện 02 cháu đang ở với chị M từ khi vợ chồng ly thân. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng muốn nuôi hai cháu và yêu cầu anh M đóng góp nuôi con.

Anh M có ý kiến xin nuôi hai cháu và không yêu cầu chị M đóng góp nuôi con. Nếu chị M xin nuôi hai cháu anh không đồng ý và muốn nuôi một cháu

**Về tài sản chung:** Anh M, chị M cũng không yêu cầu giải quyết tài sản chung vợ chồng.

**Về công nợ chung:** Tại phiên hòa giải và phiên tòa ngày hôm nay anh M, chị M thừa nhận vay của Ông Bùi Đ K và bà Bùi Thị Q 60.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 9999. Anh M đồng ý sẽ trả bà Q và ông Kết số nợ trên.

Về khoản vay nợ của vợ chồng anh M, chị M tại Ngân hàng AGRIBANK-Chi nhánh Vác, huyện T O. Do Ngân hàng chấp nhận từ chối tham gia tố tụng, vợ chồng anh M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong bản án này.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến : Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của BLTTDS. Tuy nhiên việc TA yêu cầu bà Q (là người cao tuổi) nộp tiền tạm ứng án phí là vi phạm Điều 12 Nghị quyết 326/2016.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX xử cho anh M được cho ly hôn chị M. Về con chung: Đề nghị giao mỗi người nuôi một cháu. Về tài sản chung: Không xem xét. Về công nợ chấp nhận sự tự nguyện trả nợ của anh M cho ông Kết bà Q 60.000.000 đồng và 5 chỉ vàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

Nguyên đơn, Bị đơn, người có yêu cầu độc lập đều đã nhận biết được Thông báo thụ lý vụ án ,thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ; Ngày 29 tháng 10 năm 2020 phiên tòa mở lại lần thứ hai. Các đương sự đều có mặt. Tại phiên tòa, chị M cho biết chị vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ N, xã C D, T O, Hà Nội. Chị chưa đăng ký tạm trú ở nơi khác, chị đồng ý để Tòa án nhân dân huyện T O giải quyết vụ án anh M làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị.

#### **Về nội dung:**

Anh Nguyễn H M và chị Bùi Thị M đăng ký kết hôn 06/5/2015 tại UBND xã C D, huyện T O, Hà Nội là hôn nhân là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian và đã có 02 con chung. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng giữa anh M và chị M không hạnh phúc, mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng anh M đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay anh M xin ly hôn, chị M đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa anh Nguyễn H M và chị Bùi Thị M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận thuận tình ly hôn, xử cho ly hôn để các bên ổn định cuộc sống.

#### **2. Về con chung:**

Vợ chồng anh M – chị M cùng xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Bùi T V, sinh ngày 30/9/2015, và cháu Nguyễn Bùi T V, sinh ngày 31/8/2017. Hiện 02 cháu đang ở với chị M từ khi vợ chồng ly thân. Ly hôn chị M có ý kiến muốn nuôi hai cháu và yêu cầu anh M đóng góp nuôi con.

Anh M có ý kiến xin nuôi hai cháu và không yêu cầu chị M đóng góp nuôi con. Nếu chị M xin nuôi hai cháu anh không đồng ý và muốn nuôi một cháu. Do các bên tranh chấp về việc nuôi con và để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các cháu cũng như cha mẹ các cháu nên nên giao cho anh M, chị M mỗi người nuôi một cháu là phù hợp.

**Về tài sản chung:** các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong bản án này.

**Về công nợ chung:**

Anh Mạnh và chị M xác nhận có vay của ông Bùi Đắc Kết và bà Bùi thị Quỳnh 60.000.000đ (sáu mươi triệu) và 5 chỉ vàng 9999. Anh Mạnh khai ông bà đã cho hẳn vợ chồng rồi, tuy nhiên nếu ông Kết, bà Quỳnh đòi thì anh nhất trí trả ông Kết bà Quỳnh toàn bộ 60.000.000đ và 5 chỉ vàng này. Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của anh M.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự cùng đồng ý việc tính giá vàng ở thời điểm xét xử là 5,5 triệu đồng/01 chỉ vàng (để có căn cứ tính án phí dân sự sơ thẩm). Việc anh M trả nợ thời điểm nào thì sẽ trả ông Kết, bà Q bằng 05 chỉ vàng theo giá vàng tại thời điểm trả nợ.

**Về án phí:**

Anh M phải nộp toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ và 50% án phí dân sự sơ thẩm (do các bên đã thỏa thuận được việc trả nợ trước khi mở phiên tòa).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;  
Xử:

Anh Nguyễn H M được ly hôn chị Bùi Thị M.

- *Về con chung:*

Giao cháu Nguyễn Bùi T V, sinh ngày 30/9/2015 cho anh M nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định khác.

Giao cháu Nguyễn Bùi T V, sinh ngày 31/8/2017 cho chị M nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh M, chị M không phải trợ cấp nuôi con chung. Anh M, chị M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung vợ chồng:* Không xem xét.

- Về công nợ: Anh Nguyễn H M phải trả cho ông Bùi Đ K và bà Bùi Thị Q số tiền 60 triệu đồng và 05 chỉ vàng.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn H M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Và phải nộp số tiền 2.187.500 (Hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đối trừ anh M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02181 ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T O, thành phố Hà Nội. Anh M còn phải nộp số tiền 2.187.500 (Hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Bùi Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.187.000 đồng theo biên lai số 02234 ngày 15/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T O, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- VKSND huyện T O;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T O;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phan Quốc Quân**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

